TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/3/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thanh

Ông Lê Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 27 tháng 02 ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M P B, xã M A, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M P B, xã M A, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thủy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M A, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẩn do anh Q không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc rượu chè gây nợ nần về nhà còn chửi mắng chị, chị cũng cho anh Q nhiều cơ hội nhưng anh Q vẫn

không sửa đổi xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung được nữa nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1999 hiện tại con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2018 anh Lê Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian chung sống cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau này anh thừa nhận là anh có chơi bời gây nợ nhưng anh đã cố gắn làm và trả nợ gần xong, anh mong là chị T cho anh cơ hội anh hứa sẽ sữa đổi lo làm ăn không cờ bạc rượu chè nữa, hiện tại anh còn thương chị T, chị T yêu cầy ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng 01 con chung tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1999 hiện tại con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị và anh Q chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẩn do anh Q không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc rượu chè gây nợ nần về nhà còn chửi mắng chị, chị cũng cho anh Quang nhiều cơ hội nhưng anh Quang vẫn không sửa đổi xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung được nữa nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Q. Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2018 anh Q cũng thừa nhận anh và chị T chung sống với nhau năm 1998 có đăng ký kết hôn Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với chị T anh có chơi bời gây nợ nhưng anh đã cố gắn làm và đã trả nợ gần xong, anh mong là chị T cho anh cơ hội anh hứa sẽ sữa đổi lo làm ăn không cờ bạc rượu chè nữa, hiện tại anh còn thương chị T, chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý gì anh còn thương chị T nhưng từ khi chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay anh

không có biện pháp nào hàn gắn với chị T và tại phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn Q; Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, Tòa án chỉ xem xét cho ly hôn khi có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào lời trình bày của chị T tại phiên tòa hôm nay, chị đều cho rằng anh Lê Văn Q chơi bờ không lo làm ăn gây nợ nần, chị khuyên bảo thì anh Qhứa sữa đổi nhưng anh Q vẫn không sửa đổi. Cho nên Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Lê Thị Thủy T và anh Lê Văn Q.

[2] Về con chung: Chị T, anh Q trong quá trình chung sống chị và anh Q có có 01 con chung tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1999 hiện tại con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

[3] Về tài sản chung: Không có;

[4] Về nợ chung: Không có;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thủy T. Cho chị Lê Thị Thủy T được ly hôn với anh Lê Văn Q.

- Về con chung: Chị T, anh Q trong quá trình chung sống chị và anh Q có có 01 con chung tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1999 hiện tại con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

[3] Về tài sản chung: Không có;

[4] Về nợ chung: Không có;

- Về án phí:

Chị Lê Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 01768 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị T đã nộp xong.

Chị được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Văn Q được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Huyện;
- Các đương sự;
- CQ THADS Huyện;
- UBND xã;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thanh Tuấn